

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HS-ST  
Ngày: 24 - 11 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Hữu Danh;
2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu N, sinh năm 1985; nơi sinh: Huyện AP, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp TT, xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1956 và bà Lê Thị M, sinh năm 1958; anh chị em có 08 người, bị cáo là người thứ hai; có vợ tên Nguyễn Thị V, sinh năm 1987 và có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị tạm giữ từ ngày 13/3/2021 đến ngày 21/3/2021 thì bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Văn Toàn E, sinh năm 1989; nơi sinh: Huyện AP, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961; anh chị em có 06 người, bị cáo là người thứ tư; có vợ tên Phạm Thị Yến T, sinh năm 1997 và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2021 đến ngày 21/3/2021 thì bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn H (tên gọi khác: HT), sinh năm 1987; nơi sinh: Huyện AP, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp PM, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang và chỗ ở hiện nay: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q1, sinh năm 1944 (chết) và bà Đào Thị M, sinh năm 1951; anh chị em có 04 người, bị cáo là người nhỏ nhất; có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 và có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 01/7/2019, bị Công an huyện AP ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, mức phạt 1.500.000 đồng, đã nộp phạt.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2021 đến ngày 21/3/2021 thì bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T), sinh năm 1973; nơi sinh: Huyện AP, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp PT, xã P H, huyện AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1946 (chết); anh chị em có 04 người, bị cáo là người thứ ba; có vợ tên Võ Thị N, sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/6/2021 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Hồng Q2, sinh năm 1989; nơi sinh: Huyện AP, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1938 (chết) và bà Nghiêm Thị C, sinh năm 1955 (chết); anh chị em

có 08 người, bị cáo là người nhỏ nhất; có vợ tên Nguyễn Thị D, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/6/2021 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông Đỗ Minh T2, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang; có mặt.

- Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang; có mặt.

- Ông Lê Văn T2, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 12/3/2021, sau khi nhận được tin báo tại nhà Nguyễn Hữu N thuộc ấp PT, xã PH, huyện AP có nhiều đối tượng tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền, nên Lực lượng Công an huyện AP phối hợp cùng Công an xã PH tiến hành đến địa điểm trên kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H, Lê Hồng Q2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu N, Đỗ Minh T2, Phạm Văn H1, Lê Văn T2, Nguyễn Văn H có mặt tại sòng tài xỉu nhà N cùng tang vật gồm:

- Tiền thu trong buồng nhà N 9.000.000 đồng (tiền vốn Toàn Em và Hiền hùn để sử dụng làm cái lắc tài xỉu).

- Tiền thu trên người Toàn E 340.000 đồng (tiền vốn sử dụng vào việc đánh bạc).

- Tiền thu trên người T 985.000 đồng (sử dụng vào mục đích đánh bạc).

- Tiền thu trên người Q2 1.500.000 đồng.

- Tiền thu trên người Minh T2 2.625.000 đồng.

- Tiền thu trên người T2 405.000 đồng.

- Tiền thu trên người H 16.000 đồng.

- 01 (một) chiếc chiếu;

- 01 (một) chiếu bạc là tấm nhựa màu trắng xám, trên tấm nhựa có ghi các số tự nhiên từ 4 đến 17 và chữ T, X;
- 01 (một) chén sành; 01 nắp nhựa; 06 hột xí ngầu;
- 17 (mười bảy) bộ bài 52 lá (05 bộ chưa sử dụng, 12 bộ đã sử dụng).

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 12/3/2021, Trần Văn H mang theo 8.000.000 đồng đến quán nước của Nguyễn Văn T tìm Đỗ Văn Toàn E để trả tiền nợ. Khi đó, Toàn E rủ H hùn vốn để làm cái lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền thì H đồng ý. Toàn E thỏa thuận góp vốn 2.400.000 đồng, còn H góp vốn 8.000.000 đồng, thống nhất đưa cho Toàn E giữ số tiền của cả hai 10.400.000 đồng để làm cái lắc tài xỉu và chung chi cho người đặt cược. H góp vốn nhiều hơn nên thỏa thuận chia tiền thu lợi 70%, còn lại Toàn E 30%. Sau đó, H gặp N rồi rủ đến nhà N để chơi tài xỉu, sau khi chơi xong trả cho N 200.000 đồng thì được N đồng ý. Nên H mang theo chén sành, nắp nhựa, hột xí ngầu, còn Toàn E mang theo chiếu bạc đến nhà N để chơi tài xỉu thắng thua bằng tiền. Khi đó, Nguyễn Văn T mang theo 685.000 đồng, Lê Hồng Q2 mang theo 1.570.000 đồng, Đỗ Minh T2 mang theo 2.625.000 đồng, Phạm Văn H1 mang theo 16.000 đồng, Lê Văn T2 mang theo 405.000 đồng cùng Nguyễn Văn H1 đến nhà N chơi. Tại sòng tài xỉu, H ngồi bấm điện thoại còn Toàn E thủ cái lắc tài xỉu nên Tùng sử dụng 685.000 đồng, Q2 sử dụng 70.000 đồng, T2 sử dụng 100.000 đồng, N sử dụng 200.000 đồng và N trả H 100.000 đồng nên H sử dụng cùng tham gia đặt cược tài xỉu với nhau. Sòng tài xỉu chơi đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, Công an đến bắt quả tang Toàn E, H, N, T, Q2, T2, H, T và H1, sau đó thu giữ số tiền 14.871.000 đồng cùng tang vật liên quan.

Ngày 13/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú ban hành Quyết định tạm giữ đối với Trần Văn H, Đỗ Văn Toàn E, Nguyễn Hữu N về hành vi “Đánh bạc”. Đến ngày 21/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện AP ban hành Đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với Trần Văn H, Đỗ Văn Toàn E, Nguyễn Hữu N.

Ngày 21/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện AP ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Đánh bạc” và “Gá bạc”, Quyết định khởi tố bị can Trần Văn H, Đỗ Văn Toàn E về hành vi “Đánh bạc”, khởi tố bị can Nguyễn Hữu N về hành vi “Gá bạc”. Đồng thời, ban hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Văn H, Đỗ Văn Toàn E, Nguyễn Hữu N.

Ngày 23/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện AP ban hành Quyết định khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lê Hồng Q2, Nguyễn Văn T về hành vi “Đánh bạc”.

Tại Bản Cáo trạng số 60/CT-VKSAP-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Nguyễn Hữu N về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015

(được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố các bị cáo Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Nguyễn Hữu N, Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đỗ Minh T2, ông Phạm Văn H1 trình bày lời khai như đã khai tại cơ quan cảnh sát điều tra. Ngoài ra, ông Đỗ Minh T2 có yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 67G1-284.91 nhãn hiệu Yamaha màu sơn đen trắng, đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 2.625.000 đồng, ông Phạm Văn H1 không có yêu cầu nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị D1 cho biết: Bà là vợ của bị cáo Lê Hồng Q2, đối với số tiền 1.500.000 đồng mà bị cáo Q2 bị thu giữ trong vụ án là tiền của bà đưa cho Q2 để mua thức ăn cho dê. Việc bị cáo mang theo khi đi đánh bạc thì bà D1 hoàn toàn không biết. Bà D1 có yêu cầu được nhận lại số tiền này và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q2 do bị cáo là người chăm lo làm ăn, là lao động chính trong gia đình.

- Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các bị cáo Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, khẳng định Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật nên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo tại phiên tòa.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết, tổ chức và phân chia vai trò cụ thể. Các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nguyễn Hữu N đã tự nguyện giao nộp số tiền 600.000 đồng để khắc phục hậu quả, riêng bị cáo Trần Văn H có mẹ là bà Đào Thị M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba.

Từ những phân tích, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N từ 12 (mười hai) tháng tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Đỗ Văn Toàn E từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Văn H từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Lê Hồng Q2 từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Hồng Q2.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu N:

- Đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng do đây là tiền bị cáo có được do phạm tội mà có.

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc chiếu; 17 bộ bài 52 lá (05 bộ chưa sử dụng, 12 bộ đã sử dụng); 01 bóng đèn tròn màu trắng đã qua sử dụng; 01 cây quạt, thân màu đen, cánh màu cam đã qua sử dụng do đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc đánh bạc và không còn giá trị sử dụng.

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Đỗ Văn Toàn E:

- Đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 9.340.000 đồng do đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc bạc là tấm nhựa màu trắng xám, trên tấm nhựa có ghi các số tự nhiên từ 4 đến 17 và chữ T, X do đây là công cụ dùng vào việc đánh bạc.

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Trần Văn H: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 chén sành, 01 nắp nhựa, 06 hạt xí ngầu do đây là công cụ dùng vào việc đánh bạc.

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T: Đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 985.000 đồng do đây là tiền bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Lê Hồng Q2: Đề nghị trả lại cho bà Nguyễn Thị D1 số tiền 1.500.000 đồng do đây là tiền mà bà D1 đưa cho Q2 mua thức ăn cho dê, không liên quan đến hành vi đánh bạc của bị cáo.

Đối với vật chứng thu giữ của Đỗ Minh T2:

- Đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng do đây là tiền sử dụng vào việc đánh bạc.

- Đề nghị trả lại cho Đỗ Minh T2: 01 xe mô tô biển số 67G1-284.91 nhãn hiệu Yamaha màu sơn đen trắng, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 2.525.000 đồng do không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Đối với vật chứng thu giữ của Lê Văn T2: Đề nghị trả lại cho Lê Văn T2 tiền Việt Nam 405.000 đồng do không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Đối với vật chứng thu giữ của Phạm Văn H1: Đề nghị trả lại cho Phạm Văn H1 tiền Việt Nam 16.000 đồng do không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Đối với Đỗ Minh T2, Phạm Văn H 1 và Nguyễn Hữu N có tham gia đánh bạc là vi phạm pháp luật, xét thấy Minh T2, H1 và N đã chấm dứt hành vi đánh bạc trước khi Lực lượng Công an đến bắt quả tang. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện AP không truy cứu trách nhiệm hình sự Minh T2, H1 và N về hành vi này.

Riêng Lê Văn T2 không thừa nhận đã tham gia đánh bạc, sau khi sự việc xảy ra T2 đã bỏ địa phương đi đâu không rõ; xét thấy chưa đủ căn cứ để quy kết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện AP không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T2 về hành vi này.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo không trình bày lời nói sau cùng, đồng thời cũng không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn T vắng mặt không rõ lý do. Xét, người tham gia tố tụng vắng

mặt đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Lời nhận tội của các bị cáo Nguyễn Hữu N, Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q2 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 12/3/2021, bị cáo Trần Văn H rủ bị cáo Đỗ Văn Toàn E hùn vốn để làm cái lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền, Toàn E thỏa thuận góp vốn 2.400.000 đồng, còn H góp vốn 8.000.000 đồng. Sau đó, H đến gặp bị cáo Nguyễn Hữu N rồi rủ đến nhà N để chơi tài xỉu, thỏa thuận trả cho N 200.000 đồng thì được N đồng ý. Các công cụ, phương tiện để lắc tài xỉu do H mang đến. Đến khoảng 21 giờ 20 phút ngày 12/3/2021, Lực lượng Công an huyện AP phối hợp cùng Công an xã PH tiến hành đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H, Lê Hồng Q2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu N, Đỗ Minh T2, Phạm Văn H1, Lê Văn T2, Nguyễn Văn H có mặt tại sòng tài xỉu nhà N, thu giữ số tiền 14.871.000 đồng cùng tang vật liên quan. Ngoài ra, bị cáo N còn khai nhận, Toàn E và H có đến nhà N chơi lắc tài xỉu được 03 lần, mỗi lần thu tiền hồ 200.000 đồng, tổng cộng thu lợi 600.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng được pháp luật điều chỉnh. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc dưới hình thức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền là hành vi vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hành vi của các bị cáo Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).



[4] Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Tệ nạn cờ bạc là khởi đầu của sự mất ổn định tình hình an ninh trật tự, sau đó dẫn đến sự gia tăng của nhiều loại tội phạm khác và gây bức xúc trong dư luận xã hội. Các bị cáo đều là người có sức khỏe, lẽ ra các bị cáo nên chuyên tâm lao động để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân, giúp đỡ gia đình. Nhưng vì ham mê cờ bạc, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà không phải lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo Nguyễn Hữu N có hành vi sử dụng nhà thuộc quyền sở hữu của mình cho các bị cáo khác đánh bạc để thu tiền hồ, tổng cộng 03 lần, thu lợi được 600.000 đồng. Các bị cáo Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q2 tham gia đánh bạc dưới hình thức lặt tài xỉu ăn thua bằng tiền, trong đó, bị cáo Toàn E và bị cáo H hùn hạp làm cái, bị cáo Toàn E trực tiếp làm cái chung chi, các bị cáo T, Q2 tham gia đặt cược.

Về vai trò đồng phạm trong vụ án, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có sự câu kết chặt chẽ và phân chia vai trò cụ thể, các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành nên được xem là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn H là người rủ rê bị cáo Nguyễn Hữu N sử dụng nhà N để đánh bạc, bị cáo Hiền cũng rủ rê bị cáo Đỗ Văn Toàn E cùng thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời cũng là người chuẩn bị công cụ, phương tiện để lặt tài xỉu, bị cáo Toàn E trực tiếp làm cái, chung chi tiền thắng thua. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Từ những phân tích, Hội đồng xét xử nhận thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện AP truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa ngày hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về nhân thân, các bị cáo Nguyễn Hữu N, Đỗ Văn Toàn E, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q là người có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án tiền sự. Đối với bị cáo Trần Văn H, năm 2019 bị Công an huyện AP xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 1.500.000 đồng, cho nên mặc dù được xem là chưa có tiền án, tiền sự nhưng cũng thể hiện bản thân bị cáo còn nhiều hạn chế trong việc chấp hành chính sách, pháp luật của nhà nước. Đối với bị cáo Nguyễn Hữu N, ngoài lần bị bắt quả tang thì trước đó, bị cáo cũng được bị cáo H, bị cáo Toàn E rủ rê về nhà đánh bạc và nhận tiền hồ 02 lần, mỗi lần 200.000 đồng nên các bị cáo Nguyễn Hữu N, Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H không được xem là phạm tội lần đầu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu N: Bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 600.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình; gia đình bị cáo Nguyễn Hữu N thuộc gia đình chính sách, có công với đất nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

Đối với bị cáo Đỗ Văn Toàn E, bị cáo Trần Văn H: Các bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình; riêng bị cáo Trần Văn H có mẹ là bà Đào Thị M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q2: Các bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

#### [7] Về hình phạt:

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án tiền sự, các bị cáo có địa chỉ cư trú rõ ràng và trong thời gian được tại ngoại các bị cáo đều chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Số tiền bị cáo Nguyễn Hữu N thu lợi từ việc cho các bị cáo sử dụng chỗ ở của mình để đánh bạc không nhiều, số tiền các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q2 sử dụng để tham gia đánh bạc không lớn. Cùng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được xem xét trước đó, Hội đồng xét xử thống nhất với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể để các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Việc để các bị cáo tự cải tạo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu N:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng do đây là tiền bị cáo có được do phạm tội mà có.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc chiếu; 17 bộ bài 52 lá (05 bộ chưa sử dụng, 12 bộ đã sử dụng); 01 bóng đèn tròn màu trắng đã qua sử dụng; 01 cây quạt, thân màu đen, cánh màu cam đã qua sử dụng do đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc đánh bạc và không còn giá trị sử dụng.

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Đỗ Văn Toàn E:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 9.340.000 đồng do đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc bạc là tấm nhựa màu trắng xám, trên tấm nhựa có ghi các số tự nhiên từ 4 đến 17 và chữ T, X do đây là công cụ dùng vào việc đánh bạc.

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Trần Văn H: Tịch thu, tiêu hủy 01 chén sành, 01 nắp nhựa, 06 hột xí ngầu do đây là công cụ dùng vào việc đánh bạc.

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T: Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 985.000 đồng do đây là tiền bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Lê Hồng Q2: Trả lại cho bà Nguyễn Thị D1 số tiền 1.500.000 đồng do đây là tiền bà D1 đưa cho Quang mua thức ăn cho dê và cua, không liên quan đến hành vi đánh bạc của bị cáo.

Đối với vật chứng thu giữ của Đỗ Minh T1:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng do đây là tiền sử dụng vào việc đánh bạc.

- Trả lại cho Đỗ Minh T1: 01 xe mô tô biển số 67G1-284.91 nhãn hiệu Yamaha màu sơn đen trắng, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 2.525.000 đồng do không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Đối với vật chứng thu giữ của Lê Văn T2: Trả lại cho Lê Văn Thanh tiền Việt Nam 405.000 đồng do không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Đối với vật chứng thu giữ của Phạm Văn H2: Trả lại cho Phạm Văn H2 tiền Việt Nam 16.000 đồng do không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện AP đã ban hành Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 19 ngày 31/5/2021. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện AP là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với Đỗ Minh T1, Phạm Văn H2 và Nguyễn Hữu N có tham gia đánh bạc nhưng đã chấm dứt hành vi đánh bạc trước khi Lực lượng Công an đến bắt quả tang. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện AP không truy cứu trách nhiệm hình sự Minh T1, H1 và N về hành vi này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Lê Văn T2 không thừa nhận đã tham gia đánh bạc và không đủ căn cứ để quy kết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện AP không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T2 về hành vi này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[12] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đỗ Minh T1, ông Phạm Văn H1, ông Lê Văn T2, bà Nguyễn Thị D1 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q2 cùng phạm tội “Đánh bạc”;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 322, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Hữu N: 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng được tính kể từ ngày tuyên án 24/11/2021 (ngày hai mươi bốn tháng mười một năm hai nghìn không trăm hai mươi một);

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Bị cáo Đỗ Văn Toàn E: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng được tính kể từ ngày tuyên án 24/11/2021 (ngày hai mươi bốn tháng mười một năm hai nghìn không trăm hai mươi một);

Bị cáo Trần Văn H: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng được tính kể từ ngày tuyên án 24/11/2021 (ngày hai mươi bốn tháng mười một năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt);

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu N, Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H cho Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T: 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ;

Bị cáo Lê Hồng Q2: 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ;

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hồng Q2. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hồng Q2 cho Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã PH, huyện AP tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Hồng Q2 phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước

- Số tiền 600.000 đồng do bị cáo Nguyễn Hữu N giao nộp để khắc phục hậu quả.

- Số tiền 9.340.000 đồng thu giữ của bị cáo Đỗ Văn Toàn E.

- Số tiền 985.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T.

- Số tiền 100.000 đồng thu giữ của Đỗ Minh T1.

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) chiếc chiếu; 17 (mười bảy) bộ bài 52 lá (05 bộ chưa sử dụng, 12 bộ đã sử dụng); 01 bóng đèn tròn màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) cây quạt, thân màu đen, cánh màu cam, đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc bạc là tấm nhựa màu trắng xám, trên tấm nhựa có ghi các số tự nhiên từ 4 đến 17 và chữ T, X.

- 01 (một) chén sành, 01 (một) nắp nhựa, 06 (sáu) hột xí ngầu.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị D1 số tiền 1.500.000 đồng.

Trả lại cho Đỗ Minh T1: 01 xe mô tô biển số 67G1-284.91 nhãn hiệu Yamaha màu sơn đen trắng, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 2.525.000 đồng.

Trả lại cho Lê Văn T2 tiền Việt Nam 405.000 đồng.

Trả lại cho Phạm Văn H1 tiền Việt Nam 16.000 đồng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/10/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện AP và Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP; Ủy nhiệm chi số 124 ngày 19/10/2021 của Kho bạc Nhà nước huyện AP, tỉnh An Giang).

### 3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Các bị cáo Nguyễn Hữu N, Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

### 4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Nguyễn Hữu N, Đỗ Văn Toàn E, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Hồng Q2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đỗ Minh T1, ông Phạm Văn H1, bà Nguyễn Thị D1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn T2 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (5);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (4);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tuấn**